

Name:

Class: S8

Tel: 034 200 9294

Ngày GV giao bài: Thứ ngày/.....

Ngày HS nộp bài: Thứ ngày/.....



Vocabulary & Grammar:

Use of English:

Listening:

Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 8

UNIT 3 – OUR SOCIETY – VOCABULARY 1 & FCE SPEAKING

Lưu ý: Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: Con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

A. VOCABULARY

Social Studies

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	lively (adj)	sôi động	10	local resident (n.phr)	người địa phương
2	car-free (adj)	không có xe	11	mural (n)	tranh tường
3	overlook (v)	nhìn ra, nhìn bao quát	12	symbolize (v)	tượng trưng
4	traffic congestion (n.phr)	tắc đường	13	in the middle of nowhere (idiom)	ở một nơi xa, ít người sinh sống
5	block (n)	tòa nhà	14	valuable (adj)	có giá trị
6	raised walkway (n.phr)	lối đi bộ trên cao	15	get involved (phr.v)	tham gia
7	community spirit (n.phr)	thần thần cộng đồng	16	on a regular basis	đều đặn
8	violence (n)	bạo lực	17	charity (n)	từ thiện
9	transform (v)	thay đổi			

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	extraordinary (adj)	phi thường	5	well-behaved (adj)	ngoan, cư xử đúng mực
2	insist (v)	nài nỉ	6	superstition (n)	sự mê tín
3	develop (v)	phát triển	7	superstitious (adj)	mê tín
4	straightaway (adv)	ngay lập tức			

***Note:** *adj = adjective: tính từ; n = noun: danh từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ; n.phr = noun phrase: cụm danh từ; v = verb: động từ; idiom: thành ngữ; adv = adverb: trạng từ*

***Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.**

C. HOMEWORK

I. Fill in the blanks with the given words in the box (some words may not be used). Change the form of the words if necessary.

basis	waste	community	violence	mural	resident	charity	involved
-------	-------	-----------	----------	-------	----------	---------	----------

2. The city that we were born in is very large.

→ The city in _____.

3. Do you remember the day? We first met on that day.

→ Do you remember the day on _____?

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

Part 2

For questions **9–16**, read the text below and think of the word which best fits each gap. Use only **one** word in each gap. There is an example at the beginning **(0)**.

Write your answers **IN CAPITAL LETTERS** on the separate answer sheet.

Example:

0	M	A	N	Y														
---	---	---	---	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

I'm not superstitious, honestly!

How **(0)** people could truly say they are not superstitious? A recent survey shows that almost 90% of people believe in one sort of superstition **(9)** another and say that it influences their lives.

One of the questions people **(10)** asked is whether they saw themselves as lucky or unlucky. Their answers turned out to be the most interesting aspect of this survey. Nearly two-thirds **(11)** those taking part said they believed that people were naturally lucky or unlucky.

Professor Morgan Howard, **(12)** analysed the results of the survey, was fascinated by this finding, so he went a step further and asked these people **(13)** kind of superstitions they believed in. **(14)** his surprise, he discovered that almost all the people who regarded themselves **(15)** lucky believed in positive superstitions. They did things to promote their good luck, such as crossing their fingers. **(16)** would appear that people make their own luck by their attitude to life.

Part 4

Questions 20–25

Con hãy làm bài nghe theo link sau:

<https://youtu.be/Xo5pTaWUqq8>

For each question, choose the correct answer.

You will hear an interview with a student called Emily, who walks people's dogs.

- 20** What does Emily say about walking dogs?
- A** It's a good business idea.
 - B** It pays for some of her living expenses.
 - C** It helps people get out of their house.
- 21** Emily says her first customer
- A** was her neighbour.
 - B** was in hospital at the time.
 - C** made her accept some money.
- 22** What does Emily say about becoming a dog walker?
- A** She enjoyed what she was doing.
 - B** She had trouble arranging the walks around her studies.
 - C** She spoke to people in the local shops.
- 23** Emily explains that
- A** she didn't get any work straightaway.
 - B** she went to a customer's house.
 - C** she met her first customer at the weekend.
- 24** Emily says that her customers
- A** are very busy.
 - B** expect her to help them whenever they need it.
 - C** have well-behaved dogs.
- 25** What does Emily say about payment?
- A** She charges people per hour.
 - B** She discusses it with the customer.
 - C** She charges what her friends recommended.